

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 202/2009/TT-BTC

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2009

THÔNG TƯ**hướng dẫn một số nội dung về tài chính trong
bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước**

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 109/2008/NĐ-CP ngày 10/10/2008 của Chính phủ về bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;

Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về tài chính trong bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước như sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng và điều kiện áp dụng.

Theo quy định tại Điều 2, Điều 4 Nghị định số 109/2008/NĐ-CP ngày 10/10/2008 của Chính phủ về bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (sau đây gọi là Nghị định số 109/2008/NĐ-CP).

Điều 2. Chi phí thực tế, hợp lý và cần thiết cho việc tổ chức bán, giao doanh nghiệp.

1. Chi phí bán, giao doanh nghiệp: là các khoản chi phí liên quan đến bán, giao doanh nghiệp từ thời điểm quyết định bán, giao doanh nghiệp đến thời điểm thực hiện xong việc bán giao doanh nghiệp cho bên nhận mua, nhận giao doanh nghiệp. Trong đó:

a) Chi phí bán doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản;
- Chi phí lập phương án bán doanh nghiệp;
- Chi phí tổ chức đại hội công nhân, viên chức doanh nghiệp để triển khai bán doanh nghiệp;
- Chi phí hoạt động tuyên truyền, quảng cáo, công khai thông tin;
- Chi phí tổ chức đấu giá;
- Chi phí thuê kiểm toán, tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp (nếu có);
- Chi phí cho Ban đổi mới tại doanh nghiệp;

- Các chi phí khác liên quan đến bán doanh nghiệp.

Mức chi phí được xác định theo giá trị doanh nghiệp trên sổ kế toán nhưng tối đa không vượt quá 50 triệu đồng đối với doanh nghiệp có giá trị dưới 1 tỷ đồng; 100 triệu đồng đối với doanh nghiệp có giá trị từ 1 đến 5 tỷ đồng; 150 triệu đồng đối với doanh nghiệp có giá trị từ trên 5 đến 10 tỷ đồng và 200 triệu đồng đối với doanh nghiệp có giá trị trên 10 tỷ đồng.

b) Chi phí giao doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí kiểm kê tài sản;
- Chi phí lập phương án giao doanh nghiệp;
- Chi phí tổ chức đại hội công nhân, viên chức doanh nghiệp để triển khai giao doanh nghiệp;
- Chi phí hoạt động tuyên truyền, quảng cáo, công khai thông tin;
- Chi phí thuê kiểm toán;
- Chi phí cho Ban đổi mới tại doanh nghiệp;
- Các chi phí khác có liên quan đến giao doanh nghiệp.

Mức chi phí được xác định theo giá trị doanh nghiệp trên sổ kế toán nhưng tối đa không vượt quá 50 triệu đồng đối với doanh nghiệp có giá trị dưới 5 tỷ đồng; 100 triệu đồng đối với doanh nghiệp có

giá trị từ trên 5 đến 10 tỷ đồng và 150 triệu đồng đối với doanh nghiệp có giá trị trên 10 tỷ đồng.

c) Đối với doanh nghiệp có quy mô lớn, phức tạp, chi phí cần thiết cho việc bán, giao doanh nghiệp vượt mức không chế tối đa nêu tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này; cơ quan quyết định bán, giao doanh nghiệp chủ động xem xét, quyết định mức chi phí cần thiết nhưng tối đa không vượt quá giá trị phần vốn nhà nước tại đơn vị bán, giao và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

d) Tổng giám đốc hoặc giám đốc doanh nghiệp quyết định nội dung và mức chi cần thiết trong phạm vi mức không chế tối đa để tổ chức triển khai bán, giao doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ của các khoản chi này.

2. Chi phí bán, giao doanh nghiệp được đảm bảo bằng các nguồn sau:

a) Chi phí bán doanh nghiệp hoặc bộ phận doanh nghiệp (sau đây gọi là bán doanh nghiệp) được trừ vào tiền thu được do bán doanh nghiệp; nếu không đủ thì xử lý như sau:

- Trường hợp khi xây dựng phương án bán mà dự kiến tiền thu từ bán doanh nghiệp không đủ bù đắp chi phí bán doanh nghiệp thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 109/2008/NĐ-CP;

- Trường hợp khi đã thực hiện phương án bán doanh nghiệp mà tiền thu từ bán doanh nghiệp không đủ bù đắp chi phí bán doanh nghiệp thì được hỗ trợ từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 6 Điều 5 Nghị định số 109/2008/NĐ-CP, cụ thể như sau:

+ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tập đoàn, Tổng công ty trong trường hợp bán doanh nghiệp thành viên, công ty con hoặc đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn, Tổng công ty;

+ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Công ty mẹ trong trường hợp bán doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn do Công ty mẹ đầu tư 100% vốn điều lệ, bán đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ;

+ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước trong trường hợp bán toàn bộ công ty nhà nước độc lập; toàn bộ tổng công ty nhà nước; toàn bộ tập đoàn, công ty mẹ được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con và công ty trách nhiệm hữu hạn do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Riêng trường hợp bán bộ phận doanh nghiệp của công ty nhà nước độc lập

hoặc thành viên hạch toán độc lập mà tiền thu không đủ bù đắp chi phí bán thì công ty nhà nước độc lập hoặc doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập chịu trách nhiệm chi trả.

b) Chi phí giao doanh nghiệp được trừ vào giá trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Nếu chi phí giao doanh nghiệp theo dự kiến lớn hơn giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì chuyển sang hình thức sắp xếp khác theo quy định.

Trường hợp tập thể người lao động trong doanh nghiệp vẫn nhận giao doanh nghiệp thì phải có phương án góp vốn để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và xác lập quyền sở hữu doanh nghiệp của đại diện bên nhận giao doanh nghiệp được cơ quan quyết định giao doanh nghiệp chấp thuận. Riêng phần chênh lệch thiếu của chi phí giao doanh nghiệp được hỗ trợ từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong trường hợp giao doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập; Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương trong trường hợp giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

c) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí đối với trường hợp bán, giao doanh nghiệp:

- Công văn đề nghị hỗ trợ kinh phí có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quyết định bán, giao doanh nghiệp. Nội dung công văn bao gồm tổng số tiền thu được do bán doanh nghiệp hoặc giá trị phần vốn nhà nước còn lại tại doanh nghiệp (đối với trường hợp giao doanh nghiệp); chi phí bán doanh nghiệp hoặc chi phí giao doanh nghiệp; số tiền còn thiếu đề nghị hỗ trợ. Ngoài ra, trường hợp giao doanh nghiệp phải có thêm phương án góp vốn cùng cam kết nhận giao doanh nghiệp của đại diện bên nhận giao doanh nghiệp;

- Quyết định bán hoặc giao doanh nghiệp của cấp có thẩm quyền (bản chính hoặc bản sao);

- Hợp đồng bán hoặc giao doanh nghiệp (bản chính hoặc bản sao)

- Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp (bản chính hoặc bản sao);

- Bản kê chi tiết chi phí bán hoặc giao doanh nghiệp (có thẩm định của cơ quan có thẩm quyền quyết định bán, giao doanh nghiệp).

Điều 3. Đối với khoản nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước.

Doanh nghiệp có trách nhiệm kê khai và gửi báo cáo quyết toán thuế đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cho cơ quan thuế để kiểm tra, xác định số thuế còn phải nộp theo quy định. Cơ quan thuế có trách nhiệm chủ động bố trí cán

bộ thực hiện kiểm tra đối với các doanh nghiệp bán, giao phù hợp với thời gian xác định giá trị doanh nghiệp đã được thông báo. Trường hợp đến thời điểm tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp mà cơ quan thuế vẫn chưa hoàn thành kiểm tra thì doanh nghiệp được sử dụng báo cáo tài chính đã lập để làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp (kể cả việc xác định các nghĩa vụ của doanh nghiệp về thuế và phân phối lợi nhuận). Các khoản chênh lệch về nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước (nếu có) sẽ được điều chỉnh ở thời điểm doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Doanh nghiệp có trách nhiệm khai thuế, tính thuế và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định tại Điều 30 và khoản 3 Điều 55 Luật quản lý thuế. Trường hợp cơ quan thuế thực hiện không đúng theo quy định của Luật quản lý thuế gây thiệt hại cho doanh nghiệp thì phải bồi thường thiệt hại cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Trường hợp doanh nghiệp không gửi hồ sơ và đề nghị cơ quan thuế kiểm tra thì Ban Đối mới và Phát triển tại doanh nghiệp và lãnh đạo doanh nghiệp có trách nhiệm về số thuế phát sinh thêm so với số liệu trong báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức bàn giao đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bàn giao và các tổn thất phát sinh.

Chương II

BÁN DOANH NGHIỆP 100%
VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 4. Về kiểm kê, xử lý tài sản và Quỹ Khen thưởng, Quỹ phúc lợi.

1. Kiểm kê, đối chiếu, phân loại tài sản và xử lý tồn tại về tài chính.

a) Khi nhận được quyết định bán doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền, doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức kiểm kê, đối chiếu, phân loại tài sản doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp;

b) Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm theo chế độ Nhà nước quy định. Trường hợp thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp không trùng với thời điểm kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp bán có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp;

c) Trên cơ sở kết quả kiểm kê, kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp bán có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan chủ động xử lý theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật những tồn tại về tài chính trước khi xác định giá trị doanh nghiệp bán.

Trường hợp có vướng mắc hoặc vượt quá thẩm quyền thì doanh nghiệp bán phải kịp thời báo cáo với cơ quan ra quyết định bán doanh nghiệp để xem xét, giải quyết. Nếu đã báo cáo nhưng chưa được giải quyết thì phải ghi rõ những tồn tại này trong Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp bán để có căn cứ tiếp tục giải quyết trong giai đoạn từ khi xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm bán doanh nghiệp.

2. Xử lý tài sản.

a) Đối với tài sản thừa, thiếu, phải phân tích làm rõ nguyên nhân và xử lý như sau:

- Tài sản thiếu phải xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân để xử lý bồi thường trách nhiệm vật chất theo quy định hiện hành. Khoản chênh lệch giữa giá trị bồi thường của cá nhân, tập thể liên quan, tổ chức bảo hiểm (nếu có) với giá trị tổn thất thực tế được bù đắp bằng Quỹ dự phòng tài chính; nếu thiếu thì hạch toán vào kết quả kinh doanh; nếu doanh nghiệp vẫn bị lỗ thì được ghi giảm vốn nhà nước.

- Tài sản thừa, nếu không xác định được nguyên nhân và không tìm được chủ sở hữu thì xử lý tăng vốn nhà nước tương ứng với giá trị thực tế của tài sản dồi thừa.

b) Đối với những tài sản không cần dùng sau khi được chấp thuận bằng văn

bản của cơ quan quyết định bán doanh nghiệp, tài sản ứ đọng, tài sản chờ thanh lý được xử lý như sau:

- Thanh lý nhượng bán: Giám đốc doanh nghiệp chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thanh lý, nhượng bán tài sản theo pháp luật hiện hành.

Các khoản thu và chi phí cho hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản được hạch toán vào thu nhập và chi phí của doanh nghiệp.

- Đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, những tài sản không cần dùng, tài sản ứ đọng, tài sản chờ thanh lý chưa được xử lý thì không tính vào giá trị doanh nghiệp; doanh nghiệp có trách nhiệm bảo quản, thực hiện chuyển giao cho các cơ quan sau:

+ Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của doanh nghiệp để xử lý theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và các công ty trách nhiệm hữu hạn do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Tập đoàn, tổng công ty nhà nước, công ty mẹ, công ty nhà nước độc lập để xử lý theo quy định đối với các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và các công ty trách nhiệm hữu hạn do Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ.

c) Đối với công trình phúc lợi: nhà trẻ, nhà mẫu giáo, bệnh xá và các tài sản phúc lợi khác đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi thì chuyển giao cho công ty quản lý, sử dụng để tiếp tục phục vụ tập thể người lao động trong doanh nghiệp bán. Trường hợp bán đơn vị phụ thuộc thì bàn giao công trình phúc lợi về Công ty mẹ để quản lý, sử dụng.

Đối với nhà ở cán bộ, công nhân viên đầu tư bằng nguồn Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp, kể cả nhà ở được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước cấp thì chuyển giao cho cơ quan nhà đất của địa phương để quản lý.

Đối với tài sản dùng trong sản xuất, kinh doanh đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp bán được tính vào giá trị doanh nghiệp và công ty tiếp tục sử dụng trong sản xuất, kinh doanh. Phần vốn tương ứng với giá trị tài sản này doanh nghiệp bán có trách nhiệm hoàn trả Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi để chia cho người lao động đang làm việc ở doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

d) Tài sản là công trình phúc lợi được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước, nếu doanh nghiệp bán tiếp tục sử dụng được tính vào giá trị doanh nghiệp.

3. Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi.

a) Số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi được dùng để chia

cho người lao động đang làm việc tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo số năm công tác tại doanh nghiệp bán. Giám đốc doanh nghiệp phối hợp với tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp để xây dựng phương án và quyết định việc phân chia.

Nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi được xác định bằng: Số dư của quỹ (không bao gồm nguồn đã cấu thành tài sản phúc lợi) cộng (+) với giá trị tài sản thực tế của tài sản đang sử dụng cho sản xuất kinh doanh được đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi.

b) Trường hợp doanh nghiệp đã chi quá nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi được xử lý như sau:

- Đối với khoản đã chi trực tiếp cho người lao động có tên trong danh sách thường xuyên tại thời điểm có quyết định bán không được khấu trừ vào phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Giám đốc doanh nghiệp phối hợp với tổ chức công đoàn xử lý bằng cách thu hồi hoặc chuyển thành nợ phải thu để công ty sau này tiếp tục kế thừa;

- Đối với các khoản chi quá nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi mà không xác định được đối tượng để thu hồi (như chi cho người lao động đã nghỉ mất việc, thôi việc trước thời điểm quyết định bán...) thì Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan quyết định giá trị doanh

ng nghiệp xử lý như đối với khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi.

Điều 5. Xử lý công nợ.

Doanh nghiệp được bán hoặc có bộ phận được bán có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận, thu hồi các khoản nợ phải thu đến hạn trước khi bán; huy động các nguồn để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả hoặc thỏa thuận với các chủ nợ để xử lý trước khi bán.

Đối với các khoản nợ phải thu còn lại và nợ phải trả thì tùy theo điều kiện mua bán có kế thừa nợ hoặc không kế thừa nợ để xử lý theo nguyên tắc sau:

1. Trường hợp bán có kế thừa công nợ: người mua có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ phải trả và thu hồi các khoản nợ phải thu theo cam kết; việc cam kết kế thừa các khoản nợ phải thu, phải trả phải được ghi trong hợp đồng mua bán doanh nghiệp và thông báo bằng văn bản cho chủ nợ, khách nợ và các bên liên quan biết.

2. Trường hợp bán không kế thừa công nợ:

Việc xử lý khoản nợ phải thu, phải trả được thực hiện theo quy định sau:

a) Nợ phải thu:

- Đối với những khoản nợ phải thu có đủ tài liệu chứng minh không có khả năng thu hồi theo quy định hiện hành của Nhà nước về xử lý nợ tồn đọng thì

xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm cá nhân, tổ chức để xử lý bồi thường theo quy định của pháp luật hiện hành. Phần tổn thất sau khi xử lý, doanh nghiệp dùng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi để bù đắp, nếu thiếu thì hạch toán vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp;

- Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn khác, doanh nghiệp phải tiếp tục đòi nợ hoặc thỏa thuận bán nợ cho các tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh mua bán nợ và tài sản tồn đọng, không được trực tiếp bán nợ cho khách nợ. Khoản tổn thất từ việc bán nợ được hạch toán vào chi phí kinh doanh;

- Đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp bán có trách nhiệm bàn giao các khoản công nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp (bao gồm cả các khoản nợ đã được xử lý bằng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng rủi ro, dự phòng nghiệp vụ... đang được tiếp tục theo dõi ngoài bảng) cho các cơ quan liên quan như sau:

+ Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của doanh nghiệp để xử lý theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và các công ty trách nhiệm hữu hạn do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Tập đoàn, tổng công ty nhà nước, công ty mẹ, công ty nhà nước độc lập để xử lý theo quy định đối với các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và các công ty trách nhiệm hữu hạn do Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ.

b) Nợ phải trả:

- Các khoản nợ phải trả nhưng không phải thanh toán được hạch toán tăng vốn nhà nước;

- Đối với khoản nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước: Doanh nghiệp có trách nhiệm kê khai và gửi báo cáo quyết toán thuế đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cho cơ quan thuế để kiểm tra, xác định số thuế còn phải nộp theo quy định. Cơ quan thuế có trách nhiệm chủ động bố trí cán bộ thực hiện kiểm tra đối với các doanh nghiệp bán phù hợp với thời gian xác định giá trị doanh nghiệp đã được thông báo.

Trường hợp đến thời điểm tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp mà vẫn chưa hoàn thành kiểm tra thì doanh nghiệp được sử dụng báo cáo tài chính đã lập để làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp (kể cả việc xác định các nghĩa vụ của doanh nghiệp về thuế và phân phối lợi nhuận). Các khoản chênh lệch về nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước (nếu có) sẽ được điều chỉnh ở thời điểm hoàn thành

bán doanh nghiệp (thời điểm ký kết hợp đồng bán doanh nghiệp);

- Đối với các khoản nợ tồn đọng vay ngân hàng thương mại nhà nước và Ngân hàng phát triển Việt Nam (gọi chung là ngân hàng cho vay), doanh nghiệp có trách nhiệm đối chiếu, phối hợp với ngân hàng cho vay xử lý theo các nguyên tắc sau:

+ Trường hợp doanh nghiệp bán bị lỗ, không còn vốn nhà nước, không thanh toán được các khoản nợ quá hạn, doanh nghiệp có trách nhiệm làm thủ tục, hồ sơ đề nghị khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ lãi vay ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành;

Trong thời gian tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của doanh nghiệp, ngân hàng cho vay có ý kiến xử lý bằng văn bản thông báo cho doanh nghiệp;

+ Đối với các khoản nợ gốc, nợ lãi không được xóa xử lý như sau: sử dụng nguồn thu từ bán doanh nghiệp để thanh toán các khoản nợ.

- Đối với các khoản nợ vay nước ngoài quá hạn có bảo lãnh, doanh nghiệp và người bảo lãnh phải đàm phán với chủ nợ để có phương án xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý vay nợ và trả nợ vay nước ngoài;

- Đối với khoản nợ bảo hiểm xã hội, nợ cán bộ công nhân viên, doanh nghiệp

có trách nhiệm thanh toán dứt điểm trước khi bán để đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

c) Các khoản dự phòng, lỗ và lãi được xử lý theo quy định sau:

- Các khoản dự phòng: giảm giá hàng tồn kho, nợ phải thu khó đòi, giảm giá chứng khoán, chênh lệch tỷ giá được sử dụng để bù đắp các tổn thất theo quy định hiện hành, nếu còn thì hạch toán tăng vốn nhà nước;

- Khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm: doanh nghiệp bán có trách nhiệm trích lập đầy đủ theo chế độ Nhà nước quy định và được sử dụng để trợ cấp cho lao động dôi dư trong quá trình bán; đến thời điểm bán, nếu còn thì hạch toán tăng vốn nhà nước tại thời điểm bàn giao;

- Quỹ dự phòng rủi ro, dự phòng nghiệp vụ của hệ thống ngân hàng, bảo hiểm, sau khi bù đắp các tổn thất theo quy định được để lại cho doanh nghiệp bán nhưng phải tính vào giá khởi điểm khi bán doanh nghiệp;

- Quỹ dự phòng tài chính để bù lỗ (nếu có), bù đắp các khoản tài sản tổn thất, nợ không thu hồi được sau khi đã xử lý bồi thường trách nhiệm cá nhân gây ra (nếu có), số còn lại tính vào giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp bán;

- Các khoản lãi phát sinh để bù lỗ năm trước (nếu có) theo quy định của Luật

thuế thu nhập doanh nghiệp, bù đắp các khoản tổn thất về tài sản không cần dùng, chờ thanh lý, giảm giá tài sản, nợ không có khả năng thu hồi, số còn lại phân phối theo quy định hiện hành trước khi xác định giá trị doanh nghiệp;

- Các khoản lỗ tính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp bán, sau khi xử lý theo các quy định nêu trên mà vẫn còn lỗ, không còn vốn nhà nước thì doanh nghiệp bán có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam (trước đây là Quỹ hỗ trợ phát triển) và các Ngân hàng Thương mại nhà nước thực hiện xóa nợ lãi vay theo quy định hiện hành của Nhà nước về xử lý nợ tồn đọng.

d) Vốn đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp khác như: góp vốn liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, góp vốn thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn và các hình thức đầu tư dài hạn khác

- Trường hợp doanh nghiệp bán kế thừa vốn đã đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp khác thì toàn bộ số vốn này được tính vào giá trị doanh nghiệp;

- Trường hợp doanh nghiệp bán không kế thừa các khoản đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp khác thì báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xử lý như sau:

+ Chuyển giao cho doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn khác làm đối tác;

+ Trường hợp không chuyển giao được thì doanh nghiệp bán phải kế thừa để tính vào giá trị doanh nghiệp bán theo quy định.

đ) Đối với các khoản doanh nghiệp đã trả trước cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ như: tiền thuê nhà, tiền thuê đất, tiền mua hàng, tiền công... nếu đã hạch toán hết vào chi phí kinh doanh, doanh nghiệp đối chiếu hạch toán giảm chi phí tương ứng với phần hàng hóa, dịch vụ chưa được cung cấp hoặc thời gian thuê chưa thực hiện và hạch toán tăng khoản chi phí trả trước (hoặc chi phí chờ phân bổ).

Điều 6. Xác định giá trị doanh nghiệp.

Xác định giá trị doanh nghiệp được áp dụng theo những nguyên tắc quy định tại Chương III Nghị định số 109/2007/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số vấn đề về tài chính khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ, bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất được giao (nếu có).

Điều 7. Giá khởi điểm bán doanh nghiệp được xác định theo nguyên tắc sau.

1. Trường hợp bán có kế thừa nợ, giá khởi điểm được xác định không thấp hơn

tổng giá trị phần vốn nhà nước đã được xác định theo quy định tại Điều 6 Thông tư này. Nếu giá trị thực tế phần vốn nhà nước âm mà người mua chấp nhận mua thì giá khởi điểm được xác định bằng không đồng.

2. Trường hợp bán không kể thừa nợ giá khởi điểm không thấp hơn tổng giá trị doanh nghiệp đã được xác định theo quy định tại Điều 6 Thông tư này và phải đảm bảo tiền thu trừ chi phí đủ thanh toán nợ.

Điều 8. Chuyển đổi hình thức.

1. Trường hợp nếu không có người mua hoặc người được mua từ chối mua mà doanh nghiệp đảm bảo đáp ứng các điều kiện nêu tại điểm a, b Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 109/2008/NĐ-CP thì chuyển sang hình thức giao doanh nghiệp; trường hợp không đáp ứng các điều kiện này thì chuyển sang hình thức sắp xếp khác (sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản).

2. Đối với doanh nghiệp thuộc danh mục cổ phần hóa, đã tiến hành bước công việc cổ phần hóa nhưng không cổ phần hóa được, nếu đáp ứng đủ điều kiện để thực hiện bán doanh nghiệp thì cơ quan quyết định cổ phần hóa được xem xét, quyết định chuyển sang áp dụng hình thức bán doanh nghiệp. Trong trường

hợp này giá trị doanh nghiệp bán được lấy theo giá trị doanh nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khi thực hiện cổ phần hóa.

Chương III

GIAO DOANH NGHIỆP CHO TẬP THỂ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 9. Về kiểm kê, xử lý tài sản.

1. Ban đổi mới tại doanh nghiệp tiến hành kiểm kê, xác định số lượng và thực trạng toàn bộ tài sản, gồm: các khoản đầu tư dài hạn, ngắn hạn; tài sản thuê, mượn, giữ hộ, bán hộ, ký gửi, chiếm dụng, cho thuê, cho mượn; đối chiếu và phân loại các loại công nợ; lập danh sách chủ nợ và số nợ phải trả, danh sách người mắc nợ và số nợ phải thu, trong đó phân định rõ nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi; tiến hành phân loại tài sản, xử lý tài sản và xử lý tài chính khi giao doanh nghiệp theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 109/2008/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư này.

2. Xử lý tài sản:

Việc xử lý tài sản, số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, chi phí xây dựng dở dang, các khoản dự phòng, lỗ hoặc lãi thực hiện theo như quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

Điều 10. Xử lý công nợ.

Doanh nghiệp được giao có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận, thu hồi các khoản nợ phải thu, nợ phải trả đến hạn (bao gồm cả các khoản thuế và các khoản phải nộp ngân sách) trước khi giao; huy động các nguồn để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả hoặc thỏa thuận với các chủ nợ để xử lý trước khi giao. Đối với các khoản nợ phải trả còn lại xử lý theo nguyên tắc sau:

1. Đối với các khoản nợ tồn đọng vay ngân hàng thương mại nhà nước và Ngân hàng phát triển Việt Nam (gọi chung là ngân hàng cho vay), doanh nghiệp có trách nhiệm đối chiếu, phối hợp với ngân hàng cho vay xử lý theo các nguyên tắc sau:

a) Trường hợp doanh nghiệp giao bị lỗ, không còn vốn nhà nước, không thanh toán được các khoản nợ quá hạn, doanh nghiệp có trách nhiệm làm thủ tục, hồ sơ đề nghị ngân hàng cho vay nợ, giãn nợ, miễn giảm lãi tiền vay ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong thời gian tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của doanh nghiệp, ngân hàng cho vay có ý kiến xử lý bằng văn bản thông báo cho doanh nghiệp.

Trường hợp ngân hàng không có văn bản xử lý thì doanh nghiệp thực hiện

đúng các hợp đồng hoặc khế ước vay vốn đã ký với ngân hàng;

b) Đối với các khoản nợ gốc, nợ lãi không được xóa thì xử lý theo nguyên tắc sau:

- Doanh nghiệp làm đầy đủ thủ tục để chuyển giao cho người nhận giao doanh nghiệp kế thừa trả nợ;

- Phối hợp với ngân hàng cho vay thực hiện xử lý nợ theo phương thức bán nợ cho Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp và các doanh nghiệp có chức năng mua bán nợ theo giá thỏa thuận.

2. Đối với khoản nợ bảo hiểm xã hội thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp và của người lao động mà doanh nghiệp đã thu thì trước khi giao doanh nghiệp được trừ vào giá trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp để thanh toán. Trường hợp giá trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp không đủ để thanh toán nợ bảo hiểm xã hội mà thực tế người lao động vẫn có nguyện vọng nhận giao và có phương án góp vốn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh thì phần chênh lệch thiếu giữa vốn nhà nước và chi phí giao doanh nghiệp được hỗ trợ thanh toán từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tập đoàn, Tổng công ty, công ty mẹ trong trường hợp doanh nghiệp thành

viên, công ty con, công ty trách nhiệm hữu hạn do công ty mẹ đầu tư 100% vốn điều lệ.

- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong trường hợp giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Người nhận giao doanh nghiệp có trách nhiệm kế thừa các khoản nợ phải thu, phải trả của doanh nghiệp sau khi được xử lý.

Điều 11. Xác định giá trị doanh nghiệp được giao.

Căn cứ Phương án xác định giá trị doanh nghiệp do Giám đốc và Ban đổi mới tại doanh nghiệp lập, Giám đốc doanh nghiệp tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp.

1. Đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc danh mục giao doanh nghiệp trong Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:

Căn cứ sổ kế toán, báo cáo tài chính đã được kiểm toán, báo cáo quyết toán thuế, báo cáo kết quả kiểm kê tại thời điểm giao; tổ chức thực hiện xác định

giá trị doanh nghiệp theo nguyên tắc tất cả các tài sản của doanh nghiệp khi thực hiện giao đều tính bằng giá trị và bằng đồng Việt Nam. Trong đó:

- Tài sản hiện vật: là giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán.

- Tài sản bằng tiền gồm tiền mặt, tiền gửi và các giấy tờ có giá (tín phiếu, trái phiếu...) của doanh nghiệp được xác định theo biên bản kiểm quỹ (đối với tiền mặt), sổ dư đã đối chiếu với ngân hàng (đối với tiền gửi) và các giấy tờ có giá xác định theo mệnh giá của giấy tờ.

- Các khoản nợ phải thu có khả năng thu hồi, các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn và dài hạn, các khoản đầu tư được xác định theo sổ dư thực tế trên sổ kế toán đã được đối chiếu xác nhận.

- Các khoản chi phí dở dang (đầu tư xây dựng cơ bản, sản xuất kinh doanh dở dang) được xác định theo thực tế phát sinh hạch toán trên sổ kế toán.

- Giá trị tài sản vô hình (nếu có) được xác định theo giá trị còn lại đang hạch toán trên sổ kế toán. Riêng giá trị quyền sử dụng đất được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số vấn đề về tài chính khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định

số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ.

Giá trị của doanh nghiệp để giao không bao gồm giá trị tài sản thuê, mượn, nhận góp vốn liên doanh, liên kết, nhận giữ hộ, bán hộ, ký gửi; tài sản được hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi; tài sản là nhà ở cán bộ, công nhân viên (chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà đất địa phương); các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi mà bên nhận giao không tiếp nhận.

Giá giao doanh nghiệp được xác định trên cơ sở phần còn lại của giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp sau khi trừ chi phí giao doanh nghiệp, các khoản nợ bảo hiểm xã hội thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp và của người lao động mà doanh nghiệp đã thu. Trong đó giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp bằng giá trị của doanh nghiệp trừ (-) các khoản nợ thực tế phải trả, số dư Quỹ phúc lợi, khen thưởng và số dư kinh phí sự nghiệp (nếu có). Trường hợp sau khi xác định, nếu doanh nghiệp không còn vốn nhà nước mà bên nhận giao vẫn đề nghị nhận giao thì bên nhận giao phải có phương án góp vốn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, cam kết kế thừa nợ, lỗ và phương án trả nợ vay phù hợp với phương án sản xuất kinh doanh.

2. Đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng bán, đã tiến hành các bước công

việc bán doanh nghiệp nhưng không bán được, nếu đáp ứng đủ điều kiện giao doanh nghiệp theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 109/2008/NĐ-CP thì cơ quan quyết định bán doanh nghiệp được xem xét, quyết định chuyển sang áp dụng hình thức giao doanh nghiệp. Trong trường hợp này, giá trị giao doanh nghiệp được xác định căn cứ vào giá trị doanh nghiệp trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp đã được kiểm toán.

Điều 12. Chuyển đổi hình thức.

Trường hợp bên nhận giao không nhận giao hoặc chi phí tổ chức thực hiện giao doanh nghiệp theo dự kiến lớn hơn giá trị phần vốn nhà nước còn lại tại doanh nghiệp thì cơ quan quyết định giao doanh nghiệp phải xem xét, quyết định chuyển sang hình thức giải thể, phá sản công ty.

Điều 13. Bàn giao và tiếp nhận doanh nghiệp.

1. Căn cứ hợp đồng giao nhận doanh nghiệp, bên giao (Giám đốc doanh nghiệp, kế toán trưởng và đại diện Ban đổi mới tại doanh nghiệp) phải bàn giao đầy đủ, nguyên trạng tài sản, vốn, công nợ, quyền sử dụng đất, các hợp đồng kinh tế, các quyền và nghĩa vụ khác cho bên nhận giao (đại diện tập thể người lao động) kèm theo hồ sơ, chứng từ có liên quan.

2. Trong thời gian chưa bàn giao, doanh nghiệp giao có trách nhiệm quản lý toàn bộ tài sản, tiền vốn của doanh nghiệp, không để hư hỏng, hao hụt, mất mát. Giám đốc và các cá nhân liên quan của doanh nghiệp giao chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hao hụt, mất mát tài sản, tiền vốn trong thời gian chưa bàn giao.

3. Việc giao nhận phải lập biên bản có đầy đủ chữ ký của Giám đốc, kế toán trưởng, đại diện Ban đổi mới tại doanh nghiệp của doanh nghiệp giao và đại diện tập thể người lao động nhận giao.

Mọi vấn đề tồn tại chưa xử lý trước khi bàn giao phải ghi rõ tại biên bản bàn giao.

Điều 14. Quyền sở hữu đối với doanh nghiệp sau khi giao.

Toàn bộ tài sản của doanh nghiệp sau khi giao thuộc sở hữu tập thể người lao động. Người lao động trong doanh nghiệp tham gia nhận giao được giao quyền sở hữu tương ứng với số cổ phần được chia từ phần vốn nhà nước tại thời điểm giao hoặc phần vốn góp tương ứng với số năm làm việc cho khu vực nhà nước, được hưởng cổ tức, có quyền đề thừa kế nhưng không được chuyển nhượng số cổ phần được giao trong thời hạn 3 năm sau khi giao doanh nghiệp.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Công tác báo cáo.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước có trách nhiệm báo cáo Ban chỉ đạo Đổi mới và phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính các nội dung có liên quan đến quá trình bán, giao doanh nghiệp, cụ thể:

1. Kết quả xử lý các tồn tại về tài chính khi có phát sinh.

2. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, bao gồm: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp; Quyết định công bố giá trị doanh nghiệp (trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công bố giá trị doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền).

3. Quyết định phê duyệt phương án bán, giao (trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt).

4. Kết quả bán, giao (trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày được hoàn tất việc bán, giao).

5. Quyết toán chi phí bán, giao.

6. Quyết định xác định lại giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức

bàn giao cho người mua, người nhận giao doanh nghiệp.

7. Biên bản bàn giao từ doanh nghiệp sang người mua, người nhận giao.

Điều 16. Hiệu lực thi hành.

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 109/2005/TT-BTC ngày 08/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về tài chính trong giao,

bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp nhà nước.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu